

# NHỮNG ĐƯỜNG HƯỚNG XÁC LẬP CẤU TRÚC ÂM VỊ HỌC

Võ Đại Quang\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 22 tháng 08 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 11 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 11 năm 2018

**Tóm tắt:** Bài viết này là một nghiên cứu tổng quan về các cấu trúc âm vị học trên cứ liệu tiếng Anh nhằm giúp người đọc có cái nhìn khái quát về các đường hướng xác lập các loại cấu trúc âm vị học đa dạng. Kỹ thuật (techniques) nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là các kỹ thuật định tính thông dụng của loại hình nghiên cứu miêu tả như quan sát, phân tích tài liệu, suy luận, phạm trù hóa, hệ thống hóa, khái quát hóa, mô hình hóa, lược đồ hóa. Những vấn đề chính được trình bày trong bài này là: (i) Những cách tiếp cận chủ yếu trong việc xác lập các cấu trúc âm vị học; (ii) Những điểm mạnh và hạn chế của các đường hướng nghiên cứu cấu trúc âm vị học; (iii) Một số cấu trúc âm vị học được xác lập theo các đường hướng nghiên cứu được trình bày trong bài viết.\*\*

*Từ khóa:* cấu trúc âm vị học, đoạn tính, tự đoạn tính, siêu đoạn tính, ngữ âm học

## 1. Mở đầu

Âm vị học nghiên cứu mặt chức năng, mặt trừu tượng của âm thanh lời nói của con người. Các cấu trúc âm vị học thể hiện hiểu biết của nhà nghiên cứu về âm thanh lời nói như một hệ thống ký hiệu. Cùng với sự bùng nổ thông tin trong các lĩnh vực nghiên cứu, âm vị học hiện đại đã có những bước tiến dài trong việc hiểu biết về mối liên hệ giữa các hình thái ngữ âm (phonetic forms) xuất hiện trên bề nổi của diễn ngôn và các hình thái nền, hình thái âm vị học (underlying forms) của ngôn ngữ. Những hiểu biết này đặt ra nhiều thay đổi trong cách tiếp cận các vấn đề âm vị học, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến các kiểu cấu trúc âm vị học. Ở mức độ nhất định, sự đa dạng, phong phú của các kiểu cấu trúc âm vị học được xác lập theo các đường

hướng nghiên cứu khác nhau gây cản trở đối với người học trong việc hiểu thấu đáo cơ sở, tiêu chí của việc xác lập các loại hình cấu trúc âm vị học đa dạng. Bài viết này, ở mức độ và phạm vi có thể, là một nghiên cứu tổng quan nhằm tường minh hóa, hệ thống hóa, khái quát hóa giúp người học có cái nhìn tổng thể về các đường hướng nghiên cứu âm vị học, giúp trả lời câu hỏi: Tại sao các cấu trúc âm vị học lại được xác lập với hình hài như vậy? Đây cũng là giá trị thực tiễn của bài viết.

## 2. Cơ sở lý luận

Việc xác lập các cấu trúc âm vị học như là hình thức tường minh hóa hiểu biết về công năng, hoạt động của âm thanh lời nói (speech sounds), ở phương diện nhất định, phụ thuộc vào cách tiếp cận những mối liên hệ này. Cho đến nay, học viên cao học, nghiên cứu sinh chuyên ngành Anh ngữ học và các các nhà nghiên cứu thường quen với cách tiếp cận của Âm vị học đoạn tính (segmental phonology). Đã có nhiều kiểu loại cấu trúc âm vị học được xác lập theo đường hướng này. Tuy nhiên,

\* ĐT.: 84-903410341

Email: vodaiquang8@gmail.com

\*\* Bài viết này đã được chỉnh sửa trên cơ sở báo cáo đã trình bày tại Hội thảo quốc tế *Nghiên cứu liên ngành về ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ lần thứ IV* ở Huế, tháng 10 năm 2018.

trong nhiều tài liệu âm vị học hiện thời, ngoài cách tiếp cận đoạn tính, việc xác lập các cấu trúc âm vị học còn được thực hiện theo hai đường hướng khác của Âm vị học phi tuyến tính (non-linear phonology). Hai đường hướng này là: tiếp cận siêu đoạn tính (suprasegmental) và tiếp cận tự đoạn tính (autosegmental). Bài viết này, trên cơ sở các tài liệu tham khảo, bàn về những điểm mạnh và hạn chế của ba cách tiếp cận sau đây đối với việc xác lập các cấu trúc âm vị học: tiếp cận đoạn tính (segmental), tiếp cận theo đường hướng tự đoạn tính (autosegmental) và tiếp cận siêu đoạn tính (suprasegmental). Cơ sở lý luận trực tiếp của bài viết là các lý thuyết về mối quan hệ giữa hình thái hiện thực hóa, hình thái ngữ âm và hình thái trừu tượng, hình thái âm vị học của ngôn ngữ.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng các kỹ thuật (techniques) định tính thông dụng của nghiên cứu miêu tả như quan sát, phân tích tài liệu, suy luận, phạm trù hóa, hệ thống hóa, khái quát hóa, mô hình hóa, lược đồ hóa.

Nguồn ngữ liệu phân tích được lựa chọn để minh họa cho các luận điểm liên quan đến các vấn đề cụ thể của bài báo được lấy từ các ví dụ trong các sách nghiên cứu âm vị học của Mike Davenport, Peter Ladefoged, Robert Ladd, Andrew Spencer và trong các giáo trình tiếng Anh có băng ghi âm đính kèm.

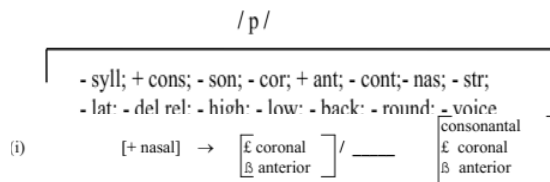
### 4. Kết quả nghiên cứu tổng quan

#### 4.1. Đường hướng âm vị học đoạn tính

Âm vị học đoạn tính nhìn nhận rằng các âm đoạn là tách bạch với nhau và tồn tại sự tương ứng 1 - 1 giữa âm đoạn và đặc tính của âm đoạn. Sau đây là cách nhìn nhận của đường hướng đoạn tính đối với các kiểu cấu trúc âm vị học.

Trong cấu trúc âm vị học đoạn tính, yếu tố âm vị học nhỏ nhất là đặc tính khu

biệt lưỡng phân (binary distinctive feature). Những tập hợp hỗn nhập các đặc tính khu biệt như vậy (mỗi đặc tính được gán cho một giá trị “+” hoặc “-”) sẽ giúp mô tả tính chất của các âm đoạn (segment). Hãy quan sát các đặc tính khu biệt của âm vị /p/ sau đây:



Các quy tắc âm vị học biểu thị những đặc tính này có thể được xác lập ở hình thức các đặc tính riêng lẻ, nhóm các đặc tính, hoặc một tập hợp đầy đủ các đặc tính của một âm đoạn. Những yếu tố khác có liên quan là ranh giới hình thái học hoặc ranh giới cú pháp học chỉ rõ các vị trí như vị trí cuối hình vị (morpheme - final) ( \_\_\_ +) hoặc vị trí đầu từ (word - initial) (# \_\_\_). Kiểu loại biểu hiện âm vị học như đã trình bày được gọi là biểu hiện theo tuyến tính (linear) vì hình thức biểu hiện như vậy chỉ liên quan đến chuỗi tuyến tính cụ thể, hay nói cách khác, là tập hợp trên trục cú đoạn các ranh giới và các đặc tính mà những đặc tính và ranh giới này tạo ra chu cảnh ngữ âm cho một quá trình âm vị học nào đó xảy ra. Điều này có nghĩa là, các quy tắc này chỉ liên quan đến chuỗi các âm đoạn (kể cả các ranh giới) và không cung cấp thêm thông tin nào khác về các kiểu cấu trúc âm vị học (chẳng hạn như thông tin về cấu trúc của âm tiết). Ví dụ: quy tắc về hiện tượng vô thanh hoá ở vị trí cuối từ là sự trình bày về hiện tượng này dựa vào đặc điểm tuyến tính: nếu một phụ âm tắc (phụ âm có đặc tính [- continuant]) đứng ở vị trí cuối từ thì phụ âm đó sẽ là âm vô thanh. Quy tắc được thể hiện như sau:

$$[- \text{continuant}] \rightarrow [- \text{voice}] / \text{---} \#$$

Để có được bức tranh toàn cảnh về các loại hình cấu trúc âm vị học, ngoài việc biểu

hiện đặc tính âm vị theo tuyến tính, thì cần thiết phải mở rộng mô hình biểu hiện âm vị học sang một phạm vi, cấp độ lớn hơn cấu trúc âm đoạn: âm tiết (syllable).

Hầu hết các mô hình âm vị học đoạn tính nhìn nhận cấu trúc nội tại của các âm đoạn như một tập hợp phức tạp các đặc tính chứ không phải đơn thuần là một danh sách các đặc tính hỗn độn và phi cấu trúc. Bằng quan sát, có thể nhận thấy hiện tượng sau: một số quá trình âm vị học luôn chỉ tác động đến những nhóm đặc tính nhất định mà không tác động đến các nhóm đặc tính khác. Nếu các biểu hiện âm vị học trong cấu trúc nội tại của âm đoạn không được cấu trúc hoá thì các quá trình đồng xuất hiện hồi quy sẽ mang tính vô đoán và ngẫu nhiên.

#### 4.2. Đường hướng âm vị học tự đoạn tính

Các phần sau đây sẽ lần lượt trình bày về sự cần thiết phải làm phong phú hơn các hình thức biểu hiện âm vị học, về cấu trúc nội tại của âm đoạn, về khái niệm “đặc tính âm vị học độc lập” và về tầm quan trọng của kết cấu âm tiết - một cấu trúc âm vị học thuộc cấp độ cao hơn âm đoạn. Đặc tính âm vị học độc lập là những đặc tính không nhất thiết phải gắn với một âm đoạn đơn lẻ.

Trong khi một số lượng lớn các biến đổi âm vị học có thể được thể hiện một cách thích hợp dựa vào trật tự tuyến tính thì còn có rất nhiều quá trình âm vị học phổ quát không thể được khái quát hoá nếu chỉ dựa vào chuỗi tuyến tính các yếu tố kề cận nhau. Các quy tắc dựa vào trật tự tuyến tính không có khả năng tường minh hoá những quá trình đó. Nói cách khác, việc lập thức các quá trình dựa vào trật tự tuyến tính cung cấp rất ít thông tin về bản chất của quá trình âm vị học đang được miêu tả.

Hãy xem xét các số liệu sau:

i[n ε]dinburgh      i[n d]erby  
i[m p]reston      i[η k]ardiff

Ở đây, âm vị /n/ xuất hiện trong diễn ngôn ở hình thức [n] khi đứng trước một nguyên âm hoặc một phụ âm vành lưỡi (coronal), ở hình thức [m] khi đứng trước một phụ âm môi (labial), và ở hình thức [ŋ] khi đứng trước một phụ âm ngạc mềm (velar consonant). Đặc tính của các biến đổi âm vị học trên đây có thể được mô tả bằng quy tắc tuyến tính như sau:

Quy tắc trên mô tả được sự biến đổi âm vị học nhưng không cung cấp thông tin về quá trình đang diễn ra. Quy tắc này chỉ thể hiện rằng hai đặc tính bất kỳ của một phụ âm đứng sau cũng được biểu hiện ở phụ âm mũi đứng ngay trước nó. Có nghĩa là, phụ âm mũi phù hợp với phụ âm đứng sau nó về mặt giá trị (“+” hoặc “-”) của các đặc tính [coronal] và [anterior]. Quy tắc này có thể được diễn đạt một cách thuần tuý hình thức như sau:

$$(ii) [+nasal] \rightarrow \left[ \begin{array}{l} \text{£ voice} \\ \text{β back} \end{array} \right] / \text{ — } \left[ \begin{array}{l} + \text{consonantal} \\ \text{£ voice} \\ \text{β back} \end{array} \right]$$

Cách trình bày quy tắc (i) có những hạn chế nhất định. Tiếng thanh (voicing) và vị trí âm hàng sau (backness) không có quan hệ với nhau. Quá trình âm vị học được thể hiện trong quy tắc (ii) là hiện tượng phổ biến trong các ngôn ngữ. Trong quy tắc (i) thiếu dấu hiệu hình thức chỉ ra rằng các đặc tính được nêu ra cùng với các tham biến (variables) có quan hệ với nhau ở một phương diện nào đó, chứ không phải chỉ là một cặp những đặc tính bất kỳ như ở quy tắc (ii). Điều này có nghĩa là, sự đồng hoá về phương diện vị trí cấu âm xuất hiện ở đây đã được hình thức hoá trong quy tắc. Quy tắc (i) không có khả năng làm sáng rõ hiện tượng này bởi vì mối liên hệ giữa các đặc điểm không được thể hiện trong quy tắc. Việc tham gia của hai đặc tính trong quá trình biến đổi có thể chỉ hoàn toàn ngẫu nhiên. Không có dấu hiệu nào trong danh sách các đặc tính chỉ ra rằng [anterior] và [coronal] có liên quan đến nhau ở mức độ nhiều hơn so với quan hệ giữa hai đặc tính bất kỳ khác như [voice] và

[back]. Tuy nhiên, nếu các đặc tính được phân nhóm trong mô hình theo một tiêu chí nào đó, chẳng hạn [anterior] và [coronal] thuộc về một nhóm trong khi [voice] và [back] thuộc về những nhóm khác nhau, thì sự khác biệt giữa hai quy tắc trên trở nên rõ ràng hơn. Hai đặc tính [anterior] và [coronal] không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên vì cả hai đặc tính này đều là những đặc tính được phân nhóm theo vị trí cấu âm. Quy tắc (i) có thể được lập thức lại một cách khái quát hơn như sau:

$$(iii) \quad [+nasal] \rightarrow \text{ɛ [place]} / \_ \left[ \begin{array}{l} [+consonantal] \\ \text{ɛ [place]} \end{array} \right]$$

Quy tắc (ii) không thể được sắp xếp lại như (iii) bởi vì [voice] và [back] không thuộc về cùng một nhóm các đặc tính.

Một phạm vi khác đòi hỏi sự nhận biết các cấu trúc âm vị học phong phú hơn liên quan đến các yếu tố thuộc cấp độ lớn hơn cấp độ âm đoạn riêng lẻ. Hầu hết các biến thể tiếng Anh đều có hai âm /l/ trong từ “leaf” và [ɫ] trong từ “bull”. Từ những ví dụ này có thể giả định rằng [l] xuất hiện ở vị trí đầu từ và [ɫ] xuất hiện ở vị trí cuối từ. Tuy nhiên, thực tế không đơn giản như vậy. [l] còn xuất hiện ở cả vị trí không phải ở đầu từ như trong “yellow” và “silly”. [ɫ] xuất hiện ở cả vị trí không phải cuối từ như trong “film”. Như vậy là, cùng một gốc âm vị (phonemic stem) đơn nhất /l/ hình thái ngữ âm có thể xuất hiện luân phiên như là [l] hoặc [ɫ]. Có thể diễn đạt một cách chính xác hơn về sự phân bố của [l] và [ɫ] như sau: [ɫ] xuất hiện trước một phụ âm và ở vị trí cuối từ, còn [l] xuất hiện ở các vị trí khác. Quy tắc có thể được lập thức như sau:

$$/l/ \rightarrow [ɫ] / \_ \left\{ \begin{array}{l} C \\ \# \end{array} \right\}$$

Quy tắc tuyến tính này chưa phản ánh đầy đủ bản chất của hiện tượng ngạc mềm hoá âm “l” (l - velarisation). Một cách tiếp cận

khác phù hợp hơn là dựa vào các âm tiết. Sự xuất hiện của quá trình ngạc mềm hoá âm “l” phụ thuộc và việc âm này có xuất hiện trong âm tiết hay không. Ở vị trí khởi đầu (onset) âm tiết, /l/ xuất hiện như một âm không bị ngạc mềm hoá (non-velarised) [l]. Ở vị trí cuối âm tiết, khi /l/ là âm tạo âm tiết (syllabic), /l/ xuất hiện như là âm bị ngạc hóa [ɫ] hoặc âm ngạc hoá tạo âm tiết [ɫ]. Ví dụ: “little”, “bull”.

Tương tự, trong hai từ “real” và “feel”, /l/ xuất hiện ở cuối từ và đồng thời ở cuối âm tiết dưới hình thức [ɫ]: [ri:.ɔɫ.] và [fi:.ɔɫ.] (Các dấu chấm đậm trong phiên âm biểu thị ranh giới các âm tiết). Trong “reality” và “feeling”, /l/ xuất hiện ở đầu âm tiết và không bị ngạc hoá: [ri:..æ.li.ti.]; [fi:.liŋ.]. Dựa vào quan sát trên, có thể lập thức hiện tượng ngạc mềm hoá (velarisation) như sau:

$$/l/ \rightarrow [ɫ] / \_ (C).$$

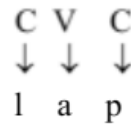
Quy tắc này cho phép thể hiện sự khái quát hóa rằng âm vị /l/ xuất hiện trên bề nổi của diễn ngôn với hình thái [ɫ] ở vị trí cuối âm tiết (coda).

Những điều trình bày trên đây cho thấy rằng, việc tiếp cận cấu trúc âm vị học thuần túy dựa vào đặc điểm tuyến tính là chưa đủ. Đường hướng này cần được kết hợp với quan điểm âm vị học “phi tuyến tính” (non-linear view of phonology) đã được chấp nhận trong Âm vị học hiện đại như một xu hướng tất yếu trong quá trình nhận thức lí tính các loại hình cấu trúc âm vị học. Đây là lý do tồn tại của đường hướng âm vị học tự đoạn tính.

Trên đây đã đề cập đến các cách thức mà đường hướng thuần túy tuyến tính trong nghiên cứu về âm vị (đường hướng này cho rằng các âm đoạn là tách bạch với nhau) không có khả năng thể hiện một số phương diện quan trọng trong việc nghiên cứu hệ thống âm vị của ngôn ngữ tự nhiên. Với việc nhận biết các khái niệm như âm tiết và các nhóm đặc tính, người nghiên cứu có thể có được sự phân tích

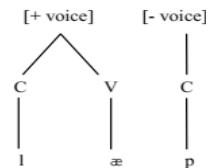
và cách biểu hiện đầy đủ hơn về hoạt động của hệ thống âm vị cũng như các mối quan hệ giữa các âm vị. Phần dưới đây sẽ bàn sâu hơn về các khái niệm này, xem xét sự tương ứng giữa các đặc tính và âm đoạn.

Trong tiếng Anh có hai âm tắc - xát [tS] và [dʒ]. Cả hai âm này đều có đặc tính [-continuant]. Âm tắc - xát, như đã trình bày, là âm tắc được tiếp nối bởi âm xát. Âm tắc mang đặc tính [-continuant] và âm xát mang đặc tính [+continuant]. Đây là vấn đề cần được lí giải bởi vì, trong một sơ đồ đặc tính bao gồm các đặc tính lưỡng phân, mỗi đặc tính chỉ có thể có một trong hai giá trị “+” hoặc “-” chứ không thể sở hữu cùng một lúc cả hai giá trị. Những biện giải trong các phần trước cho thấy rằng, các âm tắc - xát là những âm có thể được xem xét theo phương diện luồng hơi bị ngừng trệ [delayed release]. Các âm tắc xát mang giá trị [+delayed release], đối lập với các âm [t] và [d] là những âm mang giá trị [-delayed release]. Xét về đặc tính [continuant], các âm [tS] và [dʒ] là những âm thường được coi là mang giá trị [-continuant]. Trong thực tế phát âm, chúng bắt đầu bằng đặc tính của âm tắc [-continuant] và kết thúc bằng đặc tính của âm xát [+continuant]. Thực tế này cho thấy rằng, việc tiếp cận âm vị theo tuyến tính dựa vào các đặc tính lưỡng phân gắn với các âm đoạn theo quan hệ tương ứng 1 - 1 chưa bao quát được đặc điểm quan trọng này trong các mối quan hệ âm vị học: mỗi quan hệ giữa đặc tính và âm đoạn không chỉ là mối quan hệ tương ứng 1 đối 1. Các giả định khác nhau sẽ giúp làm sáng rõ hơn các mối quan hệ giữa đặc tính và âm đoạn. Có thể giả định rằng ngữ âm xuất hiện theo một dãy các điểm mốc thời gian (timing slot). Các điểm mốc thời gian này thể hiện những sự kiện trên tuyến tính. Suy cho cùng thì các đơn vị âm thanh đều xuất hiện lần lượt trong thời gian, và do vậy, mang đặc điểm tuyến tính. Ví dụ, chuỗi âm vị xuất hiện theo tuyến tính gắn với từ “lap” là CVC như sau:



Mỗi kí hiệu biểu hiện âm đoạn trong ba kí hiệu này (C gắn với “l”, V gắn với “æ”, C gắn với “p”) có thể được coi là các kí hiệu đại diện trong lược đồ hình cây về các đặc tính. Trong phần này, chúng ta sẽ lược bỏ cấu trúc hình cây và các đặc tính không quan yếu, chỉ tập trung vào những đặc tính thực sự có liên quan. Các đặc tính có liên quan sẽ được trình bày dưới dạng các mối liên hệ trực tiếp với các vị trí của C và V bằng các đường liên hội (association lines). Hướng tiếp cận âm vị học này được gọi là **Âm vị học tự đoạn** (autosegmental phonology). Tên gọi này bắt nguồn từ khái niệm “âm đoạn độc lập” biểu thị tính độc lập tương đối của một số đặc tính. Mỗi đặc tính độc lập kết nối với một điểm mốc thời gian như vậy đều gắn với một tầng âm đoạn độc lập của riêng nó (autosegmental tier).

Khi xem xét kỹ hơn hình thức biểu hiện của “lap”, có thể thấy rằng, các đặc tính nằm trong một tầng âm đoạn độc lập có thể được gắn kết với nhiều điểm mốc thời gian. Chẳng hạn, vì [l] và [æ] mang đặc tính là những âm hữu thanh cho nên đặc tính [+voice] có thể được gắn kết với cả hai âm đoạn:



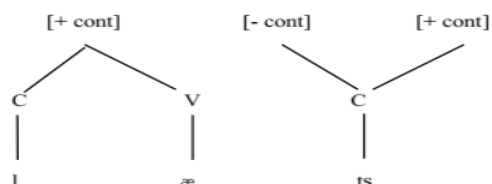
Kiểu loại đa gắn kết này (multiple association) cũng cho phép biểu hiện các âm đoạn dài (long segments) như nguyên âm dài (long vowels), nguyên âm đôi (diphthongs), phụ âm sóng đôi (geminate consonants). Sau đây là hình thức biểu hiện âm đoạn độc lập của các từ “bee”, “fly” và “bella” :





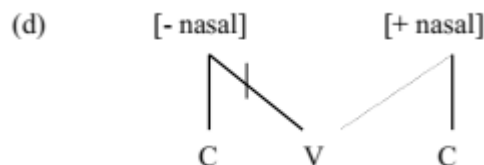
Hình thức biểu hiện ở (a.) và (b.) trên đây đã chỉ rõ sự giống nhau và khác nhau giữa nguyên âm dài và nguyên âm đôi: cả hai loại âm đoạn đều gắn kết với hai điểm mốc thời gian (vì vậy là âm đoạn dài) nhưng, các nguyên âm dài chỉ có một vị trí cấu âm trong khi các nguyên âm đôi lại được cấu âm ở hai vị trí.

Giống như hiện tượng một đặc tính có thể được gắn với nhiều điểm mốc thời gian, nhiều đặc tính cũng có thể chỉ gắn với một điểm mốc thời gian. Kết quả quan sát này cho phép biểu hiện một cách tường minh hơn những âm đoạn phức tạp như âm tắc - xát trong từ “latch”:

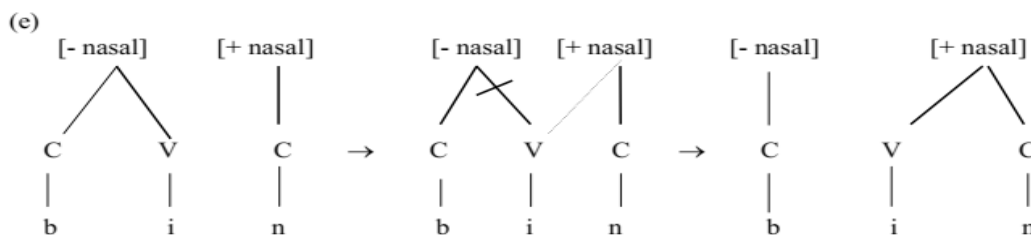


Trong khi các hình thức biểu hiện về âm đoạn độc lập này để ngỏ vấn đề những đặc tính nào có thể gắn với một tầng cấu trúc độc lập (independent tier) thì chúng lại có thể đem lại

những khả năng mà hình thức biểu hiện theo tuyến tính không thể thực hiện được. Các biến thể tiếng Anh đều có xu hướng mũi hoá nguyên âm đứng trước một âm mũi. Nguyên âm trong từ “bin” bị mũi hoá do ảnh hưởng của âm mũi đứng sau: [bĩn]. Dựa vào kiểu phân tích theo âm đoạn độc lập, có thể coi đây là quy tắc mở rộng đặc tính (spreading). Việc lập thức quy tắc trong âm vị học tự đoạn hơi khác với sự lập thức quy tắc thuần túy theo tuyến tính. Trong sơ đồ (d) dưới đây, đường đứt đoạn (dotted line) thể hiện sự mở rộng của một âm đoạn độc lập, chỉ rõ sự mở rộng của đặc tính [+nasal] sang nguyên âm. Đường viết liền (solid line) có dấu cắt ngang thể hiện rằng đặc tính [-nasal] không được gắn với nguyên âm:



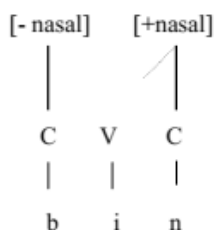
Lược đồ (e) sau đây chỉ rõ sự áp dụng quy tắc này để giải thích hiện tượng mũi hoá nguyên âm trong từ “bin” [bĩn]. Giả định rằng nguyên âm [i] trong tiếng Anh là một nguyên âm có luồng hơi thoát qua đường miệng (oral) thì nó mang đặc tính [-nasal] cho tới khi “tính chất mũi” (nasality) mở rộng sang nó và làm cho sự gắn kết với đặc tính [-nasal] bị huỷ bỏ:



Một cách khác để hình thức hoá hiện tượng đồng hoá âm là vận dụng khái niệm những đặc tính “không được xướng danh” (underspecification). Giả định này là, ở cấp

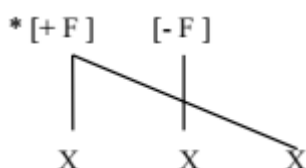
độ trừu tượng, các nguyên âm là những âm không được xướng danh về tính chất âm mũi (nasality). Đặc tính [+nasal] mở rộng về phía bên trái, tác động vào nguyên âm mà không có

quá trình huỷ bỏ đặc tính nào xảy ra. Quá trình âm vị học tồn tại trong [bĩn] có thể được lập thức như sau:



Đường hướng phân tích này cũng có thể áp dụng vào việc đồng hoá sang âm mũi (nasal assimilation) trong những trường hợp như “in Preston” ([im prest ə n]). Nút vị trí của âm mũi đứng trước âm ờn bị huỷ bỏ và nút vị trí của âm ờn mở rộng từ âm ờn sang âm mũi. Cùng với việc kết nối và không kết nối cịn có những quy ước khác gắn với việc biểu hiện âm vị tự đoạn. Những quy ước này hạn định khả năng của mô hình vào mục đích chỉ biểu hiện những đặc điểm cần thiết về các quan hệ âm vị học.

Trong số những quy ước này có quy ước “không tác động chéo”. Quy ước này chỉ ra rằng không có đường kết nối chéo giữa các đặc tính trên cùng một cấp độ cấu trúc. Quy ước này loại bỏ những biểu hiện như trong sơ đồ sau (trong sơ đồ này, giá trị “+” tác động chéo sang giá trị “-” đối với cùng một đặc tính). Sơ đồ sau không được chấp nhận:



Với sự nhận biết rằng mối quan hệ giữa các đặc tính và các điểm mốc thời gian trong một sơ đồ âm đoạn không nhất thiết phải là quan hệ 1 đối 1, các kiểu loại biểu hiện theo quan điểm tự đoạn (autosegmental) như trên đã làm sáng rõ hơn các mối quan hệ âm vị học và thể hiện các mối quan hệ này theo một phương thức phù hợp hơn trong việc phản ánh các đặc tính của hệ thống ngữ âm.

### 4.3. Cấu trúc siêu đoạn tính

Khi khái niệm “âm vị tự đoạn” được chấp nhận và mối quan hệ giữa các đặc tính và âm đoạn được nhìn nhận không phải là quan hệ một đối một thì vấn đề nảy sinh là vấn đề các cấu trúc âm vị học khái quát. Nếu việc nghiên cứu các âm đoạn kề nhau trong tuyến tính chưa làm bộc lộ đầy đủ các phương diện của cấu trúc âm vị học thì câu hỏi được đặt ra: Ngữ âm còn được tổ chức thành kiểu cấu trúc thuộc cấp độ nào khác ngoài cấp độ âm đoạn? Các cấu trúc siêu đoạn tính thường được bàn đến trong các tài liệu âm vị học là cấu trúc âm tiết, bước âm (nhịp), trọng âm, thanh điệu và ngữ điệu. Phần trình bày sau đây chủ yếu bàn về cấu trúc của âm tiết, bước âm và ngữ điệu.

#### 4.3.1. Âm tiết và cấu trúc nội tại của âm tiết

Phần đầu của bài viết này đã trình bày rằng cấu trúc âm tiết đóng một vai trò nhất định trong các quá trình âm vị học. Tương tự như vậy, hãy xem xét hai từ “nightly” và “nitrate”. Đối với nhiều người nói tiếng Anh, âm vị / t / trong “nightly” được phát âm là [ʔ] và âm / t / ở giữa từ “nitrate” được phát âm là [tʰ]. Vậy cần giải thích hiện tượng này như thế nào? / t / được hiện thực hoá như là [ʔ] khi xuất hiện trong hai chu cảnh hoàn toàn tách bạch: trước một phụ âm như trong từ “nightly” và ở vị trí cuối từ trong “cat”. Quy tắc có thể được lập ở đây là:

$$/t/ \rightarrow [ʔ] \text{ — } \left\{ \begin{array}{l} C \\ \# \end{array} \right\}$$

Quy tắc này chỉ ra rằng / t / được hiện thực hoá trong diễn ngôn ở hình thái [ʔ] trước một phụ âm hoặc ở vị trí cuối từ. Quy tắc này không cung cấp thông tin về mối liên hệ có thể có giữa một phụ âm và vị trí cuối từ.

Việc xem xét hiện tượng này dựa vào cấu trúc âm tiết sẽ làm sáng rõ hơn bản chất của hiện tượng. Trong cả hai từ trên, / t / ở vị trí ngay

trước ranh giới âm tiết: a. [nai?.li.] b. [kæ.t.]. Trong hai ví dụ này, thay vì bàn đến các phụ âm và ranh giới từ, cần phải quan sát một phương diện quan trọng của chu cảnh là ranh giới âm tiết: / t / khi ở vị trí cuối âm tiết được hiện thực hoá như một âm tắc thanh môn. Quá trình này có thể được hình thức hoá trong quy tắc sau:

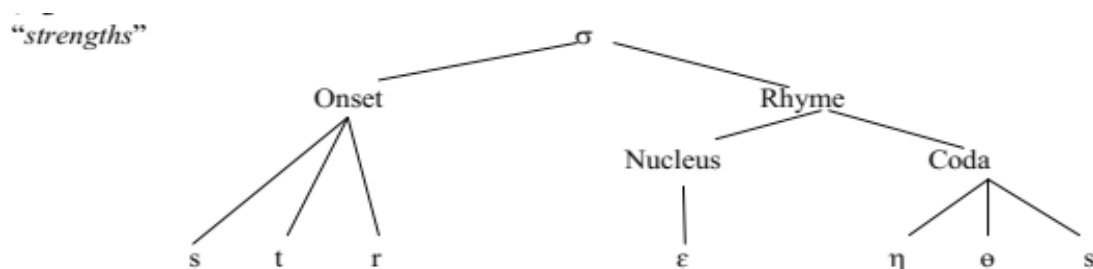
$$/ t / \rightarrow [ʔ] / \text{___} .$$

Sự khác nhau giữa “nightly” và “nitrate” khi mà / t / của từ “nightly” xuất hiện ở hình thái [ʔ] và âm / t / ở giữa từ “nitrate” được bật hơi [t<sup>h</sup>] có thể dẫn đến sự hoài nghi rằng có một sự khác nhau nào đó giữa hai chuỗi âm đoạn / t l / và / tr / ở ranh giới âm tiết và thực tế là đúng như vậy. Chuỗi âm đoạn / tr / là chùm phụ âm thường gặp trong tiếng Anh. Trong khi đó, / tl / ít phổ biến hơn. Trong tiếng Anh, / tr / có thể là phần đầu âm tiết hoặc ở vị trí đầu của từ. Trong khi đó, một âm tiết hoặc một từ không bắt đầu bằng / tl /. Giữa / t / và / l / trong “nightly” là ranh giới âm tiết; còn / t / và / r / trong “nitrate” thuộc về cùng một âm tiết: “night.ly” và “ni.trate”. / t / trong “night.ly” ở vị trí cuối âm tiết. Trong khi đó / t / trong “nitrate” thì không như vậy. Do vậy, / t / trong

“night.ly” phù hợp với chu cảnh được thể hiện trong quy tắc trên. Trong từ “ni.trate”, / t / đứng đầu âm tiết chứ không ở vị trí cuối âm tiết và vì vậy không bị thanh hầu hoá (glottalised).

Tình hình tương tự cũng xảy ra với hai từ “petrol” và “patrol” và đây cũng là những bằng chứng củng cố thêm lập luận trên đây. Trong nhiều biến thể tiếng Anh, / t / trong từ “petrol” là âm tắc thanh môn: [peʔrɔl]. / t / trong “patrol” luôn là âm nổ bật hơi và không bao giờ là âm tắc thanh môn. Bằng chứng này chứng tỏ rằng, vấn đề không phải ở chỗ âm / t / đang xét có thể nằm trong phần khởi đầu âm tiết (onset) cùng với một phụ âm khác mà là ở chỗ liệu nó có thực sự nằm trong phần khởi đầu hay không. Như đã trình bày ở trên, việc một âm vị trải qua một quá trình âm vị học cụ thể nào đó phụ thuộc vào vị trí của nó trong âm tiết: / t / trong “petrol” nằm ở phần cuối của âm tiết, còn trong từ “patrol” thì nó là phần khởi đầu âm tiết thứ hai vì các lí do liên quan đến vị trí của trọng âm.

Có nhiều cách biểu hiện cấu trúc nội tại của âm tiết. Sau đây là một trong những hình thức thường được sử dụng nhất:



(Spencer, A. 2005: 74)

Kí hiệu sigma (σ) biểu thị “âm tiết”. Bộ phận khởi đầu được thể thị bằng “O” (Onset). Phần hạt nhân (nucleus / core) của âm tiết được biểu thị bằng kí hiệu “N”. C<sub>0</sub> (coda) là một hoặc vài phụ âm đứng sau nguyên âm. R (rhyme - vần) là sự kết hợp của N và C<sub>0</sub>.

Trong cấu trúc nội tại của âm tiết, bộ phận bắt buộc phải có là bộ phận hạt nhân (nucleus). Cấu trúc khái quát của âm tiết tiếng Anh là:

- (i) nucleus
- (ii) onset + nucleus
- (iii) nucleus + coda
- (iv) onset + nucleus + coda.

Các bộ phận “onset” và “coda” có thể là đơn tố hoặc phức thể. Số lượng tối đa cho

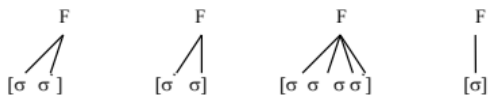


phép trong bộ phận khởi đầu (onset) là ba phụ âm và trong bộ phận cuối (coda) là bốn phụ âm. Ngoài ra, trong tiếng Anh, một số phụ âm vang (sonorant consonants) có thể đóng vai trò là thành tố hạt nhân (nucleus) trong âm tiết không có trọng âm như các âm [n] và [l] trong các từ sau: “garden” [ga:dn]; “little” [lɪtl]. Trong tất cả các trường hợp, bộ phận hạt nhân là bộ phận bắt buộc phải có và là bộ phận trung tâm trong âm tiết. Không có bộ phận hạt nhân thì không có âm tiết. Bộ phận này là bộ phận nổi trội nhất vì nó có độ vang lớn nhất so với các bộ phận khác trong âm tiết.

Dựa vào cấu trúc âm tiết, có thể nhận biết được các quá trình liên quan đến hiện tượng thanh môn hoá âm “t” (t - glottalisation) và hiện tượng ngạc mềm hoá âm “l” (l - velarisation): Khi /t/ ở vị trí cuối âm tiết, nó xuất hiện ở hình thái âm tắc thanh môn (glottalised stop); khi /l/ cũng nằm ở vị trí này thì nó bị ngạc mềm hoá (velarised). Cấu trúc âm tiết cũng giúp làm sáng rõ hơn quy tắc kết âm (phonotactics) trong các ngôn ngữ cụ thể.

#### 4.3.2. Cấu trúc “bước âm” (“foot”)

“Bước âm” là một cấu trúc kết nối các âm tiết. Nói chính xác hơn, “bước âm” kết nối các âm tiết có trọng âm và không có trọng âm. Một âm tiết có trọng âm kết hợp với bất cứ âm tiết không có trọng âm nào gắn bó với nó tạo thành một “bước âm” với âm tiết có trọng âm là thành tố trung tâm vì âm tiết này là âm tiết nổi trội nhất. Trong một bước âm, âm tiết có trọng âm có thể ở phía bên trái hoặc phía bên phải: [σ̣σ], [σ̣σ̣]. Trong một bước âm có thể chỉ có một âm tiết, hai âm tiết hoặc nhiều âm tiết:

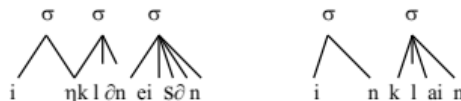


Một âm tiết đơn nhất, riêng lẻ thường không được coi là “mạnh” hay “yếu” trong mối quan hệ với âm tiết khác.

Một lí do khác của việc nhận diện “bước âm” là việc nhận diện này liên quan đến các quy tắc âm vị học. Hãy so sánh những từ sau đây:

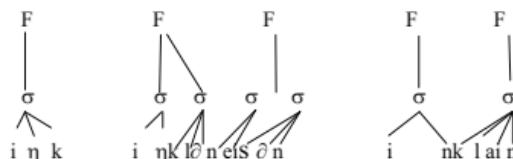
[ɪŋk] “ink” [ɪŋkləneɪʃən] “inclination”  
[ˈɪŋklaɪn] “incline” (danh từ) [ɪŋˈklaɪn]  
“incline” (động từ)

Trong “ink” và “inclination”, /n/ bắt buộc phải xuất hiện như là /ŋ/. Trong “incline” (danh từ) và “incline” (động từ), /n/ có thể xuất hiện ở hình thái /ŋ/ hoặc /n/. Nếu chỉ xem xét cấu trúc của âm tiết thì không thể phân biệt được sự xuất hiện của /ŋ/ và /n/: quá trình âm tiết hoá (syllabification) trong hai từ “inclination” và “incline” là giống nhau. Âm /n/ trong hai từ trên đều ở vị trí cuối âm tiết. Quan sát:



Đồng thời, sự khác nhau giữa /ŋ/ và /n/ cũng không phải chỉ thuần túy do trọng âm vì hình thức danh từ và động từ của “incline” khác nhau ở trọng âm đầu từ: Khi từ này là danh từ, trọng âm chính rơi vào âm tiết đầu, còn khi là động từ trọng âm chính rơi vào âm tiết thứ hai và trọng âm phụ rơi vào âm tiết thứ nhất. Sự khác biệt ở đây là ở cấu trúc bước âm (foot structure).

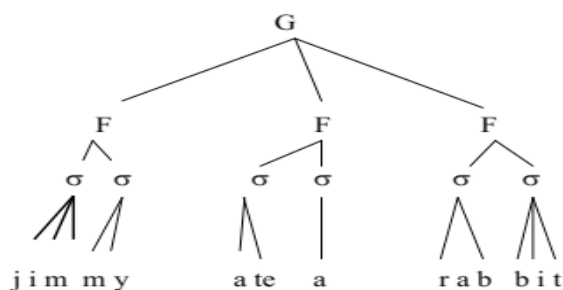
Giả định rằng mỗi trọng âm (chính hoặc phụ) là thành tố trung tâm của bước âm thì các từ trên khác nhau ở chỗ âm /n/ có ở kề cạnh âm /k/ trong cùng một bước âm hay không, hay là chúng nằm ở ranh giới của hai bước âm. Khi cả hai âm đoạn ở trong cùng một bước âm thì /n/ xuất hiện ở hình thái [ŋ]. Khi /n/ và /k/ thuộc về hai bước âm khác nhau thì /n/ có thể xuất hiện ở hình thức [n]. Quan sát:



Nói cách khác, quá trình đồng hoá sang âm ngạc mềm từ /n/ sang /k/ là bắt buộc khi hai âm này ở trong cùng một bước âm. Khi /n/ và /k/ thuộc về những bước âm khác nhau thì quá trình đồng hoá âm không nhất thiết phải xảy ra. Như vậy là, với việc nhận biết “bước âm” như là địa hạt để áp dụng quy tắc âm vị học, có thể lập thức được hoạt động của quá trình ngạc hoá âm / n / (n - velarisation). Nếu không có hiểu biết về “bước âm” thì không thể làm sáng rõ hiện tượng này.

4.3.3. Cấu trúc thuộc cấp độ cao hơn “bước âm”

Nếu thành tố hạt nhân (thường là nguyên âm) là thành tố trung tâm trong âm tiết thì âm tiết có trọng âm là bộ phận trung tâm trong bước âm. Các bước âm có thể kết hợp với nhau để tạo thành những kết cấu lớn hơn. Trong những kết cấu này, luôn có một bước âm nổi trội hơn các bước âm khác. Kết cấu sau đây gồm ba bước âm, bước âm cuối cùng là bước âm nổi bật nhất:



Trong sơ đồ trên, “G” là kí tự viết tắt của từ “group” (nhóm). Cho đến nay, bản chất của các cấu trúc thuộc cấp độ trên “bước âm” vẫn đang là vấn đề gây tranh cãi trong giới chuyên môn. Các nhà âm vị học đã đề nghị nhiều kiểu cấu trúc khác nhau trong sơ đồ tầng bậc (hierarchy) về các cấu trúc từ “âm tiết” đến “bước âm” và lớn hơn bước âm nhằm hình thức hoá cấu trúc âm vị học ở cả cấp độ các phát ngôn (utterances). Việc đi sâu tìm biết và nghiên cứu về các cấu trúc lớn hơn “bước âm”, cho đến nay, đã trở thành một vấn đề

nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu về hệ thống âm vị của ngôn ngữ tự nhiên.

4.3.4. Cấu trúc ngữ điệu (intonation)

Ngữ điệu là một trong những vấn đề trọng tâm của Âm vị học siêu đoạn tính. Về mặt âm học, ngữ điệu là sự biến đổi cao độ của giọng nói trên toàn câu (pitch variations over the whole sentence). ‘Ngữ điệu quy chiếu tới việc sử dụng các đặc tính ngữ âm siêu đoạn tính để chuyển tải những nghĩa ngữ dụng tồn tại ở cấp độ câu theo phương thức được cấu trúc hóa về phương diện ngôn ngữ học’ (Ladd, 1996: 6).

Ngữ điệu là hiện tượng siêu đoạn tính nổi trội của tiếng Anh với nhiều chức năng khác nhau: Chức năng biểu thị thái độ của người nói (attitudinal), thể hiện các quan hệ ngữ pháp (grammatical), chức năng nhấn mạnh thông tin (accentual) và chức năng điều tiết diễn ngôn (discourse function). Ngữ điệu tiếng Anh thường được xác lập với cấu trúc gồm 5 thành tố như sau:

(PRE-HEAD) – (HEAD) – (POST-HEAD) – TONIC SYLLABLE – (TERMINATION)

Dấu ngoặc đơn ( ) được sử dụng để biểu thị rằng thành tố này có thể tồn tại hoặc không tồn tại trong ngữ điệu. Thành tố bắt buộc phải có là TONIC SYLLABLE (âm tiết điệu). Đây là thành tố hạt nhân (nucleus) bắt buộc phải có, là bộ phận đại diện cho ngữ điệu. Nếu không có thành tố này thì không có ngữ điệu. Đường nét (contour) của thành tố này quy định hình dáng của toàn bộ ngữ điệu (tune shape). HEAD là thành tố được hiện thực hóa bằng trọng âm đầu tiên trong câu. Tất cả những âm tiết không có trọng âm đứng trước thành tố này được gọi là PRE-HEAD. Tất cả các âm tiết đứng sau HEAD đều thuộc thành tố POST-HEAD. Các âm tiết đứng sau TONIC SYLLABLE thuộc thành tố

TERMINATION. Hướng tiếp cận trong việc xác định các thành tố của ngữ điệu là dựa vào một cấu trúc siêu đoạn tính là âm tiết (syllable - based approach).

Tiếng Anh có 4 ngữ điệu cơ bản: ngữ điệu đi xuống (Glide-down), ngữ điệu đi lên (Glide-up), ngữ điệu giáng-thăng (Dive / Fall-Rise) và ngữ điệu đi lên đột ngột (Take - off) với khả năng chuyển tải nhiều loại nghĩa ngữ dụng (pragmatic meaning) đa dạng.

### 5. Kết luận

Dựa vào các tài liệu tham khảo, bài viết này đã tổng quan, hệ thống hóa các đường hướng xác lập khác nhau đối với cấu trúc âm vị học. Các cấu trúc âm vị học được xác lập theo đường hướng đoạn tính, tự đoạn tính và siêu đoạn tính giúp phản ánh bản chất của hệ thống âm vị. Các cấu trúc này là sự hình thức hóa, tường minh hóa các thuộc tính, các quá trình âm vị học tồn tại trong hệ thống âm thanh của ngôn ngữ. Mỗi đường hướng nghiên cứu được trình bày trong bài viết này giúp làm bộc lộ những thuộc tính nhất định của hệ thống

âm thanh của ngôn ngữ. Những hình thức biểu hiện (các cấu trúc) lớn hơn và nhỏ hơn các âm đoạn như “ma trận đặc tính” (feature marix), “sơ đồ hình hoạ các đặc tính” (feature geometry), các cấu trúc “tự đoạn tính” và các cấu trúc “siêu đoạn tính” (âm tiết, bước âm, ngữ điệu, ...) cũng đã được trình bày một cách khái quát, góp phần hỗ trợ người đọc có được cái nhìn tổng thể về các đường hướng nghiên cứu, xác lập các cấu trúc âm vị học.

### Tài liệu tham khảo

- Gimson, A. C. (1993). *An Introduction to the Pronunciation of English* 5<sup>th</sup> edition by Cruttenden. London: Routledge.
- Harris, J. (1994). *English Sound Structure*. Oxford: Blackwell.
- Ladefoged, P. (1993). *A Course in Phonetics*. Harcourt, Brace Jovanovich (third edition).
- Ladd, D. R. (1996). *Intonational Phonology*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Searle, J. (2007). *Philosophy of Language: Force, Meaning and Mind*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Spencer, A. (2005). *Phonology*. USA: Blackwell Publishing.

---

## APPROACHES TO ESTABLISHING PHONOLOGICAL STRUCTURES

Vo Dai Quang

*VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** This article is a review paper on phonological structures with illustrations via examples in English. The article is an attempt to provide readers with an overview on the major approaches to establishing phonological structures in English. The research techniques employed are the qualitative techniques commonly used for descriptive research. These are observation, document analysis, inferencing, categorization, systematisation, generalization, modelling, and schematization. The main issues presented are (i) The major approaches to establishing phonological structures; (ii) The strengths and weaknesses inherent in the above-mentioned approaches to phonological structure establishment; and (iii) Different phonological structures established in accordance with the approaches in question.

*Keywords:* phonological structures, segmental, autosegmental, suprasegmental, phonetics